

Bản án số: 74 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2018

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST – HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* anh Hồ Phú T, sinh năm 1972, ĐKTT: khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Hồ Phú T kết hôn vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B vào ngày 26/12/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn nuôi dạy con cái mà cờ bạc, nhậu nhẹt thường xuyên. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi mà ngày

càng ăn chơi cờ bạc nhiều hơn gây nên nợ nần tiêu tan tài sản. Do đó, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị không có tới lui và không có liên lạc với nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay yêu cầu ly hôn với anh Hồ Phú T.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có với nhau 2 người con chung: Hồ Hoàng H, sinh ngày 30/6/1999 và Hồ Phú Q, sinh ngày 19/12/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn Hồ Phú T nhưng bị đơn đều từ chối không nhận văn bản tố tụng của Tòa và có thái độ không hợp tác với Tòa án. Do đó, trong suốt quá trình tố tụng bị đơn Hồ Phú T đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Hồ Phú T. Về con chung: Hồ Hoàng H, sinh ngày 30/6/1999 và Hồ Phú Q, sinh ngày 19/12/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành chị N không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Từ các lời trình bày trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hồ Phú T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Hồ Phú T

được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình và không quan tâm nuôi dạy con cái mà thường xuyên uống rượu, đam mê cờ bạc, gây cảnh nợ nần, phải bán nhà cửa tài sản chung của vợ chồng để trả nợ. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do đó, chị cùng 2 con về nhà cha mẹ chị sống và sống ly thân với anh T từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng chị không có liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đối với phía bị đơn anh T không đồng ý nhận thông báo của Tòa án và không đến Tòa tham gia hòa giải, không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp với điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hồ Hoàng H, sinh ngày 30/6/1999 và Hồ Phú Q, sinh ngày 19/12/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn Hồ Phú T vắng mặt nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Hồ Phú T.
2. Về con chung: Hồ Hoàng H, sinh ngày 30/6/1999 và Hồ Phú Q, sinh ngày 19/12/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn Hồ Phú T vắng mặt nên HĐXX không xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015992 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri,

tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Mỹ N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Hồ Phú T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đặng Mộng Tuyền**

Ba Tri, ngày 23 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ..30 .phút, ngày 23 tháng 8 năm 2018

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Hà Thị Dung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 202/2018/TLST-HN ngày 17/4/2018 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1978.

ĐKTT: khu phố 1, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

- *Bị đơn:* anh Hồ Phú T, sinh năm 1972.

ĐKTT: khu phố 1, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp Phú Lợi, xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN THỐNG NHẤT 3/3 NHƯ SAU**

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Hồ Phú T.

2. Về con chung: Hồ Hoàng Huy, sinh ngày 30/6/1999 và Hồ Phú Quý, sinh ngày 19/12/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn Hồ Phú T vắng mặt nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015992 ngày 05/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Mỹ N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Hồ Phú T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Biên bản làm xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

Các thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Sáng

Đặng Mộng Tuyền

Hà Thị Dung

